

Bản án số: 68/2020/HS-ST

Ngày 16 - 12 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN- THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Bá Long  
2. Bà Đỗ Thị Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2020/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

**Hà Văn H-** Sinh năm 1993; sinh trú quán: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Ngọc V và bà Lê Thị V2; vợ: Đỗ Thị Q, có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Lê Thị T1, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

2. Anh Lê Xuân T2, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

3. Anh Lê Văn Q, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

**- Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị V3, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ trước, nên ngày 02/4/2019 chị Lê Thị T1 vay của anh Hà Văn H 10.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 5.000đ/01triệu/ 01ngày và trả lãi theo tháng

tương ứng với số tiền lãi là 1.500.000đ/tháng. Ngày 14/5/2019, chị T1 tiếp tục vay H số tiền 12.000.000đ và thỏa thuận lãi như lần vay trước nên tiền lãi là 1.800.000đ/tháng. Đến tháng 12/2019, H thống nhất với chị T1 gộp hai khoản vay trên thành một, tổng tiền gốc là 22.000.000đ, lãi suất 3.300.000đ và thanh toán tiền lãi vào ngày mùng 8 hàng tháng. Chị T1 thanh toán đến hết tháng 02/2020 thì H giảm lãi từ 3.300.000đ xuống còn 2.500.000đ/tháng. Riêng tháng 01/2020, chị T1 chậm trả lãi 1.800.000đ cho khoản vay 12.000.000đ nên chị T1 bị phạt trả lãi gấp đôi là 3.600.000đ. Tính đến tháng 4/2020, chị T1 phải trả cho H tổng số tiền lãi là 38.000.000đ trên số tiền gốc 22.000.000đ. Chị T1 chưa trả tiền gốc.

Ngày 22/5/2020, H cho anh Lê Xuân T2 vay 10.000.000đ lãi suất 3.000đ/01triệu/01ngày, thời gian vay là 57 ngày. Anh T2 đã trả cho H tiền gốc 10.000.000đ và lãi 1.700.000đ.

Ngày 19/4/2020, H cho anh Lê Văn Q vay số tiền 3.000.000đ, lãi suất 5.000đ/01triệu/ 01ngày, anh Q đã trả cho H 01 tháng tiền lãi với số tiền lãi là 450.000đ. Ngày 01/12/2020, anh Q trả cho H 3.000.000đ tiền gốc.

Ngày 08/5/2020 cho anh Lê Ngọc L vay số tiền 30.000.000đ với lãi suất 2.200.000đ/tháng. Anh L đã trả 02 tháng tiền lãi với số tiền là 4.400.000đ. Anh L chưa trả tiền gốc.

Thu giữ của H: 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô loại HONDA RSX biển kiểm soát 36B4-299.71 mang tên Lê Xuân T2; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô loại HONDA Wave biển kiểm soát 36B4-145.18 mang tên Lê Trọng H; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô loại HONDA Future biển kiểm soát 36B6-913.16 mang tên Lê Ngọc L; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô loại HONDA Wave biển kiểm soát 36N9-7541 mang tên Lê Văn L; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô loại HONDA Vision biển kiểm soát 36B4-270.68 mang tên Lê Thị T1; 01 giấy bán xe giữa Lê Như D và Trần Quang L và 01 điện thoại di động Iphone xsmax, màu vàng đen có số Imei 357285093518831 bên trong lắp thẻ sim số 0941432xxx. Thu giữ của chị Lê Thị T1: 01 USB nhãn hiệu kingston, loại DTSE9, dung lượng 16GB, 18 tờ giấy khổ A5 có chữ và số.

Căn cứ vào Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa các tổ chức tín dụng với khách hàng, xác định Hà Văn H đã cho chị Lê Thị T1, anh Lê Xuân T2 và anh Lê Văn Q vay với tổng số tiền là 35.000.000đ, lãi suất từ 108,68% đến 365% cao gấp 5,44 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 35.645.890đ. Trong đó: Thu lợi bất chính của chị Lê thị T1: 33.857.534đ, anh Lê Xuân T2: 1.387.671đ và anh Lê Văn Q: 400.685đ.

Đối với hành vi H cho anh L vay 30.000.000đ lãi suất 2.200.000đ/tháng tương ứng với lãi suất 89,22% cao gấp 4,46 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468BLDS nên không đủ căn cứ xử lý hình sự.

Bản cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố bị cáo Hà Văn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, 36BLHS xử phạt Hà Văn H từ 06 đến 07 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập: 10% /tháng sung ngân sách nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Giao bị cáo cho UBND xã Thọ Ngọc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ;

Áp dụng: Điểm a khoản 1,2 Điều 47BLHS, điểm a khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106BLTTHS: Tịch thu phát mãi sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone xsmax, màu vàng đen có số Imei 357285093518831 bên trong lắp thẻ sim số 0941432xxx là phương tiện phạm tội. Truy thu số tiền 17.504.110đ, trong đó số tiền cho vay là: 13.000.000đ, số tiền lãi 20% là: 4.504.110đ sung quỹ nhà nước. Truy thu: 22.000.000đ là tiền gốc từ chị Lê Thị T1 chưa trả cho Hà Văn H sung quỹ nhà nước. Trách nhiệm dân sự: Buộc Hà Văn H phải trả số tiền thu lợi bất chính cho chị Lê Thị T1: 33.857.534đ, anh Lê Xuân T2: 1.387.671đ và anh Lê Văn Q: 400.685đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn H khai nhận đã thực hiện các hành vi như nội dung Bản Cáo trạng truy tố, không có ý kiến gì tham gia tranh luận với đại diện và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng pháp luật.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hà Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 02/4/2019 đến ngày 22/5/2020, Hà Văn H đã cho chị Lê Thị T1, anh Lê Xuân T2 và anh Lê Văn Q vay với tổng số tiền là 35.000.000đ, thu lãi từ 3.000đ đến 5.000đ/01 triệu/01 ngày, lãi suất từ 108,68% đến 365%/năm cao gấp 5,43 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 35.645.890đ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi

nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 BLHS. Vì vậy, Bản Cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn đối với hành vi của bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nợ nần chồng chất, không có khả năng trả nợ, ảnh hưởng đến đời sống gia đình bị hại, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51BLHS. Vì vậy, được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương đối với bị cáo và khấu trừ thu nhập hàng tháng 10%. Hà Văn H làm nghề cắt tóc có mức thu nhập do bị cáo cung cấp là 4.500.000đ/tháng, mỗi tháng khấu trừ: 450.000đ sung vào ngân sách nhà nước ( $4.500.000đ \times 10\% = 450.000đ$ ). Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục để bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thu nhập thấp, kinh tế gia đình khó khăn, vợ không có việc làm và đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với khoản tiền cho vay: 35.000.000đ được xác định là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Trong đó truy thu của Hà Văn H 13.000.000đ, truy thu từ chị Lê Thị T1: 22.000.000đ (đây là số tiền gốc chị T1 vay chưa trả cho H).

Số tiền lãi 4.504.110đ là lãi tương ứng mức lãi 20%/năm, tuy không tính khi xác định trách nhiệm hình sự nhưng đây cũng là số tiền phát sinh từ tội phạm mà có nên truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi 35.645.890đ là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay là đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra đã trả lại: 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô loại HONDA RSX biển kiểm soát 36B4-299.71 cho anh Lê Xuân T2; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô loại HONDA Wave biển kiểm soát 36B4-145.18 cho Hà Văn H; 01 giấy

chứng nhận đăng ký mô tô loại HONDA Future biển kiểm soát 36B6-913.16 cho anh Lê Ngọc L; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô loại HONDA Wave biển kiểm soát 36N9-7541 cho anh Lê Văn Q; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô loại HONDA Vision biển kiểm soát 36B4-270.68 cho chị Lê Thị T1 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với: 01 giấy bán xe giữa Lê Như D và Trần Quang L, 01 USB nhãn hiệu kingston, loại DTSE9, dung lượng 16GB, 18 tờ giấy khổ A5 có chữ và số được sử dụng làm tài liệu chứng cứ và lưu trong hồ sơ vụ án.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone xsmax, màu vàng đen có số Imei 357285093518831 bên trong lắp thẻ sim số 0941432xxx vì đây là phương tiện phạm tội.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, 36 BLHS.

- Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn H phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt: Bị cáo Hà Văn H 6 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, tính từ ngày UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nhận được bản án và quyết định thi hành án, khấu trừ thu nhập mỗi tháng: 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng: Điều 47,48 Bộ Luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, 331,333,336,337 BLTTHS; Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự; Khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Truy thu từ Hà Văn H số tiền 17.504.000đ (Mười bảy triệu năm trăm linh tư nghìn đồng) (làm tròn số), trong đó số tiền cho vay là: 13.000.000đ, số tiền lãi 20% là: 4.504.000đ sung vào ngân sách nhà nước.

+ Truy thu tiền gốc từ chị Lê Thị T1: 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

- Trách nhiệm dân sự: Buộc Hà Văn H phải trả số tiền thu lợi bất chính cho chị Lê Thị T1: 33.857.000đ (Ba mươi ba triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng), anh Lê Xuân T2: 1.387.000đ (Một triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng) và anh Lê Văn Q: 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) (đều làm tròn số).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, chị T1, anh T2, anh Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Hà Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone xsmax, màu vàng đen có số Imei 357285093518831 bên trong lắp thẻ sim số 0941432xxx có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng số 03/VC/2021 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

- Án phí: Buộc Hà Văn H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND T. Thanh Hóa;
- VKSND H. T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THA. T;
- Bị cáo, Người LQ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu**